

9. Viện Nghiên cứu quyền con người: *Luật quốc tế về quyền con người*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2005.

10. Viện Nghiên cứu quyền con người: *Quyền con người: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và Ôttrâylia*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2004.

11. Viện Nghiên cứu quyền con người: *Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2003.

68/01/15

Bài 9

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

1. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

1.1. Một số vấn đề chung về tham nhũng, lãng phí

1.1.1. Khái niệm, phân loại và nguyên nhân tham nhũng

1.1.1.1. Khái niệm

Tham nhũng luôn là vấn đề nhức nhối đối với mọi xã hội, mọi nhà nước. Không ít nhà nghiên cứu đã cho rằng, tham nhũng là "căn bệnh" tất yếu tồn tại và song hành cùng nhà nước; nhà nước còn tồn tại thì còn tham nhũng. Tham nhũng gây bất bình trong nhân dân, làm mất uy tín của các chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay chưa có sự thống nhất định nghĩa về tham nhũng.

Có quan điểm xem xét tham nhũng như là việc sử dụng hoặc chiếm đoạt trái phép của công, từ đó đi đến kết luận "người dân cũng tham nhũng"¹. Quan điểm khác nhận định "tham nhũng là một hiện tượng xã hội trong đó tổ chức, tập đoàn, cá nhân lợi dụng những ưu thế về chức vụ, cương vị, uy tín, nghề nghiệp,

¹ Alan Phan, *Khi người dân "tham nhũng"*, <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2010-12-31-khi-nguoi-dan-tham-nhung->

hoàn cảnh của mình hoặc người khác, lợi dụng những sơ hở của pháp luật để làm lợi bất chính"¹. Nhiều nhà nước trong lịch sử đã từng coi "tham nhũng" như một hành vi hợp pháp của bộ máy quan liêu. Từ đó, quan điểm này cho rằng, cuộc chiến chống tham nhũng gắn liền với cuộc chiến của nhân dân với nhà cầm quyền, là bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp.

Cũng có quan điểm tiếp cận tham nhũng như là biểu hiện của "sai lệch xã hội"². Theo đó, tham nhũng là một tệ nạn xã hội có thể nảy sinh không chỉ trong các cơ quan nhà nước mà ở bất cứ tổ chức nào, đặc biệt là trong các thiết chế kinh tế. Cùng với nhận định này, một số nhà khoa học định nghĩa: "Tham nhũng có nghĩa là lạm dụng chức vụ cho lợi ích riêng. Chức vụ là một vị trí công tác dựa trên cơ sở niềm tin, mà từ đó một người được nhận một thẩm quyền hành động nhân danh một định chế nào đó"³. Liên hợp quốc và một số tổ chức quốc tế (WB, Tổ chức Minh bạch quốc tế - TI) định nghĩa tham nhũng là sự lạm dụng chức vụ công vì lợi ích tư. Cần chú ý là "chức vụ công" trong định nghĩa cũng được hiểu rất rộng, bao gồm tất cả những chức vụ của mọi tổ chức (nhà nước và phi nhà nước).

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê chủ biên do Nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành, "tham nhũng" được định nghĩa là những hành vi lợi dụng quyền lực nhà nước những nhuần nhân dân để lấy của. Theo cách xác định này, quan chức nhà nước là

¹ Phan Xuân Sơn: *Quyền lực công cộng, sự tha hóa quyền lực công cộng và tham nhũng*, Tạp chí Nghiên cứu pháp luật, số 3/2008.

² Đặng Cảnh Khanh: *Khắc phục đầy đủ và toàn diện các sai lệch xã hội*, Tạp chí Cộng sản, số 11 (131) năm 2007.

³ Bách khoa toàn thư mở Wikipedia tiếng Việt, *Tham nhũng*, http://vi.wikipedia.org/wiki/Tham_nhung.

chủ thể của hành vi tham nhũng, tuy nhiên, đối tượng của hành vi này là tiền và tài sản của nhân dân, trong khi đó tài sản và các lợi ích của Nhà nước không được đề cập đến.

Tham nhũng cần được nhìn nhận là hiện tượng tiêu cực mang tính lịch sử, nảy sinh trong quá trình hoạt động của bộ máy nhà nước mà không phải của bất cứ tổ chức nào khác. Đó là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, vi phạm đạo đức công chức, kỷ luật công vụ và pháp luật nhằm phục vụ lợi ích cá nhân. Tính đúng đắn trong hoạt động của cơ quan nhà nước bao hàm mục đích phục vụ nhân dân của Nhà nước. Tất cả quyền lực nhà nước do nhân dân tạo ra và thuộc về nhân dân, được sử dụng thông qua bộ máy nhà nước để phục vụ nhân dân, phục vụ lợi ích chung của xã hội. Người thực hiện hành vi tham nhũng đã sử dụng quyền lực nhà nước trái phép và sai mục đích. Theo cách nhìn nhận này, khái niệm tham nhũng chỉ xuất hiện khi nhân loại bắt đầu đưa ra những đòi hỏi về một nhà nước tự do, dân chủ, tiến bộ.

Tham nhũng là khái niệm được dùng để chỉ một nhóm các hành vi nguy hiểm cho xã hội của những người làm việc cho Nhà nước thông qua quá trình thực hiện các chức năng của Nhà nước nhằm mục đích vụ lợi.

Tham nhũng có những dấu hiệu cơ bản sau: *tính nguy hiểm cho xã hội, tính sử dụng quyền lực nhà nước, tính vụ lợi.*

- Tính nguy hiểm cho xã hội.

Nhà nước là tổ chức có quyền lực bao trùm xã hội, những quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước nhằm mục tiêu bảo đảm cho Nhà nước hoạt động hiệu quả, đồng thời ngăn ngừa khả

năng trong quá trình hoạt động, Nhà nước có những tác động tiêu cực lên xã hội. Trong lĩnh vực này, nếu pháp luật rõ ràng, chặt chẽ và khoa học thì sẽ tạo tiền đề quan trọng cho bộ máy nhà nước quản lý và điều hành xã hội hiệu quả, hạn chế tới mức thấp nhất những tác động không tốt tới xã hội. Nhờ đó, Nhà nước vừa duy trì trật tự ổn định xã hội, vừa thúc đẩy xã hội phát triển.

Tham nhũng là hành vi cố ý vi phạm pháp luật, các quy định, chuẩn mực nghề nghiệp, kỷ luật công tác, v.v... của những người làm việc cho Nhà nước. Hành vi đó xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, phá vỡ những quy tắc, chuẩn mực cần thiết để bộ máy nhà nước vận hành tốt. Tính nguy hiểm cho xã hội của tham nhũng thể hiện ở việc tham nhũng khiến cho hoạt động của bộ máy nhà nước ở một khâu, một công đoạn mất phương hướng, sai mục đích, tác động tiêu cực tới không chỉ xã hội mà ngay cả Nhà nước. Tham nhũng gây ra hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại cho Nhà nước, cho nhân dân. Những thiệt hại đó có thể là tiền, tài sản, lợi ích và uy tín của Nhà nước, có thể là tiền, tài sản hay các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, v.v...

Tham nhũng có tính nguy hiểm cho xã hội nhưng mức độ nguy hiểm của mỗi hành vi tham nhũng trong từng hoàn cảnh cụ thể không giống nhau. Theo các quy định tại Bộ luật Hình sự hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phải tất cả hành vi tham nhũng đều bị coi là tội phạm và ngay đối với một hành vi tham nhũng, cũng phải tùy mức độ thiệt hại mà hành vi đó gây ra cho xã hội mới có thể xác định đó có phải là tội phạm hay không.

- Tính sử dụng quyền lực nhà nước.

Không phải hành vi nào phá vỡ những quy tắc, chuẩn mực cần thiết để bộ máy nhà nước vận hành tốt cũng là tham nhũng.

Những hành vi đó phải được thực hiện một cách cố ý bởi những người làm việc cho Nhà nước. Bất cứ người nào khi làm việc cho Nhà nước đều nhân danh nhà nước để thực hiện các chức năng của Nhà nước. Do đó, đặc trưng quan trọng nhất của những người này là được sử dụng quyền lực nhà nước trong khi làm việc.

Theo luật pháp nước ta, chủ thể của hành vi tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn, bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

Đáng chú ý là những người làm việc trong các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cũng thuộc những người có chức vụ, quyền hạn. Điều này xuất phát từ đặc thù của chế độ chính trị nước ta và nó cũng thể hiện đặc trưng quan trọng của chủ thể hành vi tham nhũng: được sử dụng quyền lực nhà nước trong khi làm việc. Đặc trưng này cũng được nhấn mạnh trong Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2009): theo đó, người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ.

- Tính vụ lợi.

Những hành vi sai trái của người được sử dụng quyền lực

nhà nước trong quá trình làm việc có tính nguy hiểm cho xã hội nhưng phải vì mục đích vụ lợi mới là hành vi tham nhũng. Lợi ích là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác. Lợi ích có thể là những giá trị tinh thần như bằng khen, huân chương, tình cảm, v.v... Và lợi ích cũng có thể là chức vụ, quyền hạn, án phạt, v.v... Có thể nói, lợi ích mà hành vi tham nhũng hướng đến rất đa dạng, nhưng lợi ích đó phải là mục đích, động cơ trực tiếp thúc đẩy người được sử dụng quyền lực nhà nước thực hiện hành vi tham nhũng. Nói cách khác, giữa hành vi làm trái quy định trong quá trình thực hiện các chức năng của Nhà nước với những lợi ích mà người làm cho nhà nước đạt được phải có mối liên hệ nhân quả chặt chẽ với nhau.

1.1.1.2. Phân loại hành vi tham nhũng

Việc phân loại hành vi tham nhũng có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định những vị trí, bộ phận, lĩnh vực, v.v... chưa khoa học, chưa hợp lý, thiếu dân chủ, còn yếu kém của bộ máy nhà nước. Đồng thời, việc phân loại tham nhũng còn nhằm áp dụng các hình thức xử lý phù hợp với mỗi hành vi tham nhũng. Qua đó giúp Đảng, Nhà nước đề ra phương hướng triển khai cuộc đấu tranh phòng và chống tham nhũng vừa có trọng tâm, trọng điểm, vừa đạt hiệu quả. Hiện nay có 2 cách phân loại tham nhũng thường được sử dụng trong nghiên cứu và xây dựng pháp luật ở Việt Nam, đó là phân loại *theo chủ thể của hành vi* và *theo mức độ nguy hiểm của hành vi*.

Phân loại theo chủ thể của hành vi tham nhũng, thực chất là phân loại theo lĩnh vực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước. Theo đó, có tham nhũng trong lĩnh vực quản lý thuộc cơ

quan địa chính - nhà đất; hải quan; cảnh sát giao thông; cơ quan tài chính, thuế; cơ quan quản lý và các đơn vị trong ngành xây dựng; cơ quan cấp phép xây dựng; y tế; cơ quan kế hoạch đầu tư; cơ quan quản lý và các đơn vị trong ngành giao thông; cảnh sát kinh tế; giáo dục; thông tin - truyền thông; văn hóa, thể thao, du lịch...

Trên cơ sở mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi tham nhũng thì tham nhũng được phân loại thành các mức độ ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

Tham nhũng ít nghiêm trọng là hành vi tham nhũng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và người thực hiện hành vi bị xử phạt bằng hình thức cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù đến 3 năm. Tham nhũng nghiêm trọng là hành vi tham nhũng đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự và người thực hiện hành vi bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm. Tham nhũng rất nghiêm trọng là hành vi tham nhũng đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự và người thực hiện hành vi bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng là hành vi tham nhũng đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự và người thực hiện hành vi bị phạt tù từ 15 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình.

1.1.1.3. Nguyên nhân của tham nhũng

Khi nói đến nguyên nhân của tham nhũng, cần chú ý phân biệt giữa nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng. Nguyên nhân là cái sản sinh ra một hiện tượng, một sự vật, một quá trình nhất định. Còn điều kiện là những gì cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của hiện tượng, sự vật, quá trình ấy.

Tham nhũng là hành vi cố ý của con người. Hành vi của một người bình thường là sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động.

Tư tưởng ở đây được hiểu là những hiện tượng tâm lý xã hội. Mỗi người bình thường đều nhận thức được các hiện tượng tâm lý có ý thức của bản thân, nghĩa là biết rõ mình đang làm gì, nghĩ gì, hiểu rõ hành vi của bản thân đúng hay sai, tốt hay xấu. Các hiện tượng tâm lý có ý thức của một người thường bao hàm thái độ ít nhiều rõ rệt của người đó. Ở mức độ cao, ý thức thường được kèm theo sự dự kiến trước, tính có chủ định, v.v... và từ đó mà dẫn tới hành động. Hành vi tham nhũng cũng không nằm ngoài quy luật này. Nguyên nhân của tham nhũng là những hiện tượng và quá trình tâm lý xã hội sinh ra hoặc quyết định việc thực hiện tham nhũng.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng, nguyên nhân của tham nhũng chính là tư tưởng, nhận thức của cá nhân. Chính sự suy thoái đạo đức, phẩm chất, lối sống của người làm cho nhà nước là nguyên nhân nảy sinh tư tưởng tham nhũng, từ đó thôi thúc họ thực hiện hành vi tham nhũng. Đây là căn nguyên của tham nhũng.

Cần nhấn mạnh rằng, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng và nhận thức của cá nhân (con người hiện thực) bị chi phối bởi điều kiện và hoàn cảnh sống. Bởi vậy, trong mối quan hệ này, chế độ tư hữu và phương thức sản xuất dựa trên chế độ đó cùng những yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng tương ứng (trong đó đặc biệt là truyền thống văn hóa lạc hậu) của mỗi hệ thống kinh tế là cội nguồn, gốc rễ, là cơ sở cho sự tồn tại của tư tưởng tham nhũng.

Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, nhưng không phải là thị trường bất kỳ, mà là thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, nền kinh tế nước ta đang ở tình trạng xen kẽ nhiều chế độ sở hữu,

nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Các thành phần kinh tế tồn tại đan xen, hoạt động trên cơ sở vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau, các thành phần kinh tế luôn vận động và có sự chuyển hóa trong quá trình phát triển. Trên cơ sở đó, các quan điểm chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo, v.v... với những thể chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể, v.v... đều có những mối quan hệ đan xen phức tạp.

Đáng chú ý nhất là hiện tượng thay đổi, hình thành và tồn tại đan xen, đấu tranh với nhau giữa những chuẩn giá trị đạo đức khác biệt trong đời sống văn hóa xã hội. Nền kinh tế thị trường đang tạo ra những chuẩn giá trị xã hội mới so với thời kỳ trước đổi mới (1975-1986). Bên cạnh mục tiêu đạo đức đúng đắn là tham gia xây dựng xã hội, hoàn thiện nhân cách, hướng đến các giá trị chân, thiện, mỹ, v.v... đã xuất hiện trở lại mục tiêu đạo đức sai lệch: coi đồng tiền là thước đo giá trị con người và các giá trị khác, vì thế mục tiêu kiếm nhiều tiền là cao nhất, bất chấp nhân cách bị tha hóa, đạo đức bị xói mòn, coi thường sức khỏe và sự tồn vong của cộng đồng, nhân loại, v.v... Trước sự liều lĩnh vì đồng tiền, vì lợi nhuận, trước những tác hại cả trước mắt và lâu dài của những hành vi trái đạo đức xã hội, thì pháp luật chưa có quy định để điều chỉnh kịp thời, trong khi đó hành xử của cán bộ, công chức nhà nước thiếu nghiêm minh. Đó chính là mảnh đất màu mỡ này sinh tư tưởng tham nhũng.

Hành vi tham nhũng là sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động của cá nhân. Tuy nhiên, nếu xem xét theo hướng tách bạch tư tưởng tham nhũng với tính cách phi hiện thực hóa (chưa xảy ra trong thực tế) và hành động tham nhũng với tính cách hiện thực hóa (đã xảy ra trong thực tế), có thể khẳng định rằng: dù tư tưởng

tham nhũng tồn tại song hành cùng với nhà nước, chỉ khi nào nhà nước tiêu vong thì mới hết tư tưởng tham nhũng nhưng việc phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với tham nhũng là khả thi, thậm chí có thể xây dựng được một bộ máy nhà nước hoàn thiện, trong sạch, không có tham nhũng. Điều đó sẽ xảy ra nếu những điều kiện cho sự phát sinh và tồn tại của hành vi tham nhũng không xuất hiện.

Tham nhũng sẽ chỉ là tư tưởng, mong muốn mà không thể thực hiện nếu như không có những điều kiện nhất định. Những điều kiện chủ yếu để cho những cá nhân biến chất, suy thoái đạo đức đang làm việc cho nhà nước thực hiện hành vi tham nhũng bao gồm:

✓ - Điều kiện khách quan.

+ Kinh tế - xã hội thấp kém, cơ sở vật chất - kỹ thuật lạc hậu, dân trí thấp, những dịch vụ mà nhà nước cung cấp cho người dân còn thiếu thốn hoặc yếu kém, không đủ đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Khi nhu cầu của người dân lớn hơn so với khả năng cung ứng của Nhà nước, thì việc người dân chủ động tạo điều kiện cho những người làm cho nhà nước tham nhũng trở thành một thứ "văn hóa", khi đã trở thành thói quen, thì trong điều kiện này, tham nhũng không còn bị cản trở bởi đạo đức xã hội. Những kẻ tham nhũng và một bộ phận nhân dân sẽ coi hành vi tham nhũng là tất nhiên, có lợi cho người dân (thật ra chỉ là một bộ phận nhỏ nhân dân). Điều này lý giải vì sao tham nhũng xuất hiện nhiều ở các nước có nền kinh tế đang hoặc kém phát triển, khiến cho tham nhũng có thể trở thành phương thức kiếm sống và làm giàu của một số cá nhân.

+ An ninh kinh tế, an ninh xã hội có dấu hiệu bất ổn, xuất

hiện tình trạng tội phạm gia tăng, đặc biệt là tội phạm có tổ chức, tội phạm rửa tiền, tác động đến hoạt động của Nhà nước (mà chủ yếu là tác động vào các cá nhân) bằng nhiều thủ đoạn khác nhau nhằm lợi dụng quyền lực nhà nước để thực hiện tội phạm. Trong điều kiện đó, những cá nhân có tư tưởng tham nhũng sẽ có nhiều phương thức và thủ đoạn tinh vi hơn nhằm trốn tránh sự phát hiện của cấp trên và của người dân, đồng thời dễ dàng tiêu thụ được số tiền và tài sản lấy được từ tham nhũng mà không bị trừng phạt, vì vậy sẽ trở nên liều lĩnh hơn.

✓ - Điều kiện chủ quan.

+ Về cơ chế, chính sách, pháp luật:

Cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh mọi mặt của đời sống nói chung, về hoạt động của Nhà nước nói riêng chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, đôi khi lạc hậu.

Chế độ quản lý kinh tế nói chung, quản lý vốn, tài sản lưu thông trong sản xuất, kinh doanh, quản lý thu nhập của công dân nói riêng còn nhiều yếu kém, lỏng lẻo.

Chế độ đãi ngộ nói chung (chế độ lương nói riêng) đối với những người làm việc cho nhà nước đặt ở mức thu nhập từ trung bình trở xuống so với mặt bằng thu nhập chung của xã hội.

Chính sách của Nhà nước về tham nhũng nói chung, chính sách hình sự hóa hành vi tham nhũng nói riêng thể hiện sự thiếu kiên quyết, các hình thức kỷ luật và hệ thống hình phạt đối với hành vi tham nhũng không nghiêm khắc, không tương xứng với mức độ nguy hại cho xã hội.

+ Về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước:

Tổ chức bộ máy nhà nước thiếu khoa học: chồng chéo, nhiều tầng nấc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan, tổ

chức không được xác định rõ ràng, cụ thể, trùng lặp hoặc bị phân tán; không xác định rõ các mối quan hệ công tác cũng như cơ chế làm việc giữa các bộ phận cấu thành dẫn đến trong hoạt động nảy sinh nhiều khuyết điểm, chất lượng và hiệu quả không đạt yêu cầu.

Hoạt động của Nhà nước quan liêu, thiếu sâu sát thực tế, xa dân, thiếu công khai, minh bạch, không có cơ chế khả thi để người dân nắm thông tin về các hoạt động của cơ quan nhà nước; không có cơ chế khả thi để nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, không có cơ chế để nhân dân giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi, tuân thủ pháp luật đối với các cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước không tốt, dẫn đến công tác quản lý nhà nước trở nên yếu kém.

+ Về nhân sự:

Công tác nhân sự nói chung và việc quản lý, giáo dục đội ngũ những người làm việc cho nhà nước nói riêng có yếu kém.

Những người làm việc cho nhà nước nhận thức không đầy đủ, không sâu sắc về tính nghiêm trọng, sự nguy hại của tham nhũng nên trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành không chặt chẽ, thiếu kiểm tra, đôn đốc; trong phòng, chống tham nhũng thì thiếu quyết tâm, không dựa vào dân, thậm chí nể nang, né tránh, dung túng, bao che cho tham nhũng.

Năng lực, trình độ của các cơ quan chống tội phạm nói chung, chống tham nhũng nói riêng yếu kém.

Những điều kiện trên có mối quan hệ biện chứng với nhau vì xuất phát từ những nhân tố vốn gắn bó chặt chẽ với nhau: nhà nước - pháp luật - xã hội - con người. Ví dụ như công tác nhân sự không tốt là nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém của cơ quan chống

tội phạm, đến lượt mình, sự yếu kém của cơ quan chống tội phạm lại là tiền đề cho sự gia tăng tội phạm trong xã hội, v.v... Tuy nhiên, cần khẳng định rằng, 2 điều kiện cơ bản, then chốt quyết định hành vi tham nhũng là năng lực quản lý yếu kém và cơ chế dân chủ được thực thi không tốt.

1.1.2. Khái niệm, tiêu chí và nguyên nhân lãng phí

- Khái niệm lãng phí.

Theo *Từ điển tiếng Việt*, "lãng phí" được định nghĩa là: "làm tổn kém, hao tổn một cách vô ích". Trái nghĩa với "lãng phí" là "tiết kiệm" (sử dụng đúng mức, không phí phạm sức lực, của cải, thời gian). Lãng phí và tiết kiệm là những khái niệm được sử dụng chủ yếu trong kinh tế học, thường được gắn liền với khái niệm hiệu quả. "Hiệu quả" được định nghĩa là "kết quả trên thực tế do một công việc cụ thể nào đó mang lại, trên cơ sở có sự so sánh với những hao phí đã bỏ ra để thực hiện chúng". Công thức: tiêu hao sức lực, của cải, thời gian để mang lại kết quả có nhiều hơn sức lực, của cải, thời gian là biểu hiện quy trình và mục tiêu của lao động, sản xuất nói riêng và các hoạt động khác của con người nói chung.

Lãng phí là hành vi của con người làm hao tổn sức lực, của cải hoặc thời gian trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Lãng phí xảy ra phổ biến và gây tác hại lớn là lãng phí trong hoạt động của Nhà nước và của các tổ chức sản xuất, kinh doanh.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và các nguồn tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước,

vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và các nguồn tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định¹.

- Tiêu chí xác định hành vi lãng phí.

+ Một hành vi là lãng phí khi hành vi đó được thực hiện mà không đạt mục tiêu đã định. Mỗi hành vi đều có một hoặc nhiều mục đích khác nhau, có mục đích chủ yếu và thứ yếu. Mục tiêu chủ yếu luôn phải được chủ thể xác định trước khi hành động bởi đây là động lực chính, quyết định đến tâm lý, ý chí của người thực hiện. Vì vậy, khi hành vi được thực hiện mà không đạt được mục tiêu chủ yếu sẽ bị coi là lãng phí.

+ Vượt định mức. Khi một hoạt động đã diễn ra đạt mục tiêu đã định, thì để xem xét hoạt động đó có gây ra lãng phí hay không, chúng ta phải xác định được mức độ tiêu hao cần thiết, hay còn gọi là định mức tiêu hao. Nếu hoạt động vượt định mức tiêu hao sức lực, của cải, thời gian thì dù có đạt mục đích, hoạt động đó sẽ vẫn gây ra lãng phí.

- Nguyên nhân gây lãng phí.

+ Nguyên nhân chủ quan: Lãng phí là hành vi của con người, nên nguyên nhân gây ra lãng phí mang tính chủ quan rất cao. Mỗi cá nhân, tổ chức khi thực hiện hoạt động đều có nhận thức, dự kiến kế hoạch hành động và tổ chức thực hiện trên thực tế. Một trong ba khâu này hoặc cả ba khâu đều yếu kém thì khi triển khai hoạt động sẽ gây ra lãng phí.

+ Nguyên nhân khách quan: Mặc dù lãng phí là hành vi của con người, nhưng lại có nguyên nhân khách quan. Bản chất con người, trong tính hiện thực của nó là tổng hòa các mối quan hệ xã

¹ Khoản 2 Điều 3 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

hội. Do đó, mỗi người đều bị chi phối bởi hiện thực khách quan khi thực hiện các hành vi của mình. Có thể thấy là nguyên nhân khách quan gây ra lãng phí là do mỗi hành vi thường có nhiều động cơ và mục đích khác nhau, đôi khi trái ngược nhau. Ví dụ như trong kinh tế học, các mô hình kinh tế từng được con người áp dụng đều tạo ra sự lãng phí của cải do sự phân bổ các nguồn lực không bảo đảm yêu cầu của xã hội mà chạy theo lợi nhuận. Vì vậy, lợi nhuận (tăng trưởng kinh tế) càng tăng thì môi trường sống và sức khỏe, nhân cách con người càng bị hủy hoại. Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, những nguyên nhân khách quan như vậy chỉ có thể được loại bỏ hoàn toàn khi các hoạt động của con người hướng đến mục tiêu chủ yếu là bảo vệ môi trường sống, bảo vệ sức khỏe con người.

1.1.3. Tác hại của tham nhũng, lãng phí

Mặc dù tham nhũng và lãng phí là 2 hành vi khác nhau. Trong đó, tham nhũng là hành vi cố ý, còn lãng phí thường là hành vi không cố ý. Tham nhũng là hành vi của những chủ thể đặc biệt, thì lãng phí là hành vi của bất cứ người nào trong xã hội. Tuy nhiên, tham nhũng và lãng phí đều có tác hại rất lớn, gây tổn thất về nguồn lực và nhất là gây mất niềm tin của nhân dân với lực lượng lãnh đạo xã hội, làm tổn hao nguồn vốn trong nhân dân và phá hủy môi trường sống.

Tham nhũng có đặc trưng là chỉ xuất hiện trong hoạt động của Nhà nước, bản chất là hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội, do đó ngay cả hành vi có mức độ ít nghiêm trọng nhất thì tham nhũng cũng đã gây tác hại lớn. Tham nhũng xuất hiện và gây hậu quả xấu ở mọi lĩnh vực của xã hội mà Nhà nước có hoạt động hướng tới: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, thông tin - truyền

thông, y tế, giáo dục, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, v.v... Tham nhũng gây ra nhiều tác hại đối với không chỉ Nhà nước - nơi nó xuất hiện và tồn tại, mà người dân và cả xã hội đều phải gánh chịu. Tác hại lớn nhất, bao trùm nhất của tham nhũng chính là tới một mức độ nhất định, tham nhũng sẽ làm suy yếu sức mạnh lãnh đạo, quản lý xã hội của lực lượng chính trị cầm quyền, kìm hãm sự phát triển kinh tế dẫn đến nghèo đói, gây mất ổn định chính trị - xã hội. Chúng ta có thể thấy rõ một số tác hại lớn mà tham nhũng, lãng phí gây ra:

Tham nhũng, lãng phí trước hết gây thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, suy giảm sức mạnh kinh tế của Nhà nước và của từng người dân. Vốn, tài sản của Nhà nước là đối tượng chủ yếu của tham nhũng. Thất thoát lớn vừa ở số lượng vốn, tài sản bị chủ thể tham nhũng chiếm đoạt, vừa do nguồn vốn, tài sản được đầu tư không hợp lý, hoặc đầu tư không đủ dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn, tài sản không đạt yêu cầu, thậm chí phải đầu tư nhiều lần mà vẫn không đạt yêu cầu, phải tổ chức thực hiện lại từ đầu. Vì có tham nhũng, nguồn lực kinh tế của Nhà nước bị thâm hụt, hoạt động kinh tế nhà nước thiếu hiệu quả tất yếu dẫn đến suy giảm sức mạnh kinh tế của Nhà nước. Trong thời kỳ xây dựng, phát triển đất nước thì bên cạnh chức năng bảo vệ đất nước, chức năng tổ chức quản lý kinh tế, thực hiện chính sách xã hội có ý nghĩa sống còn với nhà nước. Sức mạnh kinh tế suy giảm là một trong những tiền đề cho việc Nhà nước suy yếu toàn diện.

Tham nhũng làm suy yếu sức mạnh hành chính của Nhà nước. Tham nhũng ảnh hưởng xấu đến quá trình xây dựng chính sách, pháp luật, gây tác hại đối với tổ chức bộ máy cũng như làm suy giảm khả năng quản lý kinh tế, xã hội của Nhà nước. Tham

những góp phần quan trọng vào việc làm suy giảm vai trò của pháp luật. Những chính sách, pháp luật được xây dựng và ban hành trong tình trạng bị tham nhũng sẽ luôn bị lợi ích cục bộ chi phối nội dung. Chính sách, pháp luật sẽ mất đi tính khoa học và dân chủ. Tham nhũng cũng làm quá trình tổ chức bộ máy nhà nước không tuân thủ các nguyên tắc như dân chủ, pháp chế, tính kinh tế, công khai hóa, v.v... vì thế bộ máy thường chồng chéo, thiếu hiệu quả, tiếp tục sinh ra quan liêu. Bên cạnh đó, tham nhũng xuất hiện trong hoạt động thường ngày của Nhà nước góp phần gây ra tình trạng bộ máy nhà nước vận hành thiếu thống nhất, không thông suốt, kém hiệu lực, ít hiệu quả. Tham nhũng góp phần tạo ra tình trạng đó, đồng thời tình trạng đó lại tiếp tục trở thành điều kiện để tham nhũng nảy sinh, tồn tại, hoành hành.

Một số nhà nghiên cứu khẳng định: "Tham nhũng chứa đựng những mầm mống phi nhà nước và vận dụng những hệ thống quyền lực coi thường nền dân chủ"¹. Tham nhũng vừa làm suy yếu sức mạnh hành chính của Nhà nước, vừa chủ động tìm kiếm và tạo ra thêm những quyền lực phái sinh từ quyền lực nhà nước. Ở đây, tác hại to lớn của tham nhũng chính là tạo ra một thứ quyền lực không chính thức dưới vỏ bọc một quyền lực chính thức. Trong khi quyền lực chính thức tác động tích cực (hoặc tiêu cực nhưng rất ít và không cố ý) vào xã hội vì lợi ích chung, thì quyền lực không chính thức tác động tiêu cực vào xã hội một cách cố ý và hoàn toàn nhằm lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm. Đây là một tiền đề quan trọng xuất hiện sự liên minh giữa tham nhũng và tội phạm có tổ chức. Trong tình trạng này, quyền lực nhà nước

¹ Nguyễn Văn Vĩnh (Chủ biên): *Góp phần đẩy lùi nguy cơ, bảo đảm ổn định và phát triển đất nước*, Nxb. Lý luận chính trị, H.2005, tr.237.

bị vô hiệu hóa, nhà nước mất uy tín trước nhân dân, còn nền dân chủ và an ninh xã hội bị đe dọa nghiêm trọng.

Tham nhũng, lãng phí làm mất danh dự, uy tín, thể diện của quốc gia trước thế giới, cụ thể như các nhà tài trợ, các đối tác, tổ chức quốc tế đặt quan hệ với quốc gia đó.

Tham nhũng gây thiệt hại về nhân sự. Một mặt, tham nhũng góp phần tạo ra tình trạng nguồn nhân lực trong cơ quan nhà nước vừa kém chất lượng, vừa được phân bổ không khoa học, thiếu hiệu quả. Mặt khác, những người làm cho Nhà nước đều có năng lực, trình độ nhất định và thường dày dạn kinh nghiệm do có thời gian công tác lâu dài cho Nhà nước. Các vụ tham nhũng bị phát hiện, xử lý thường khiến Nhà nước không chỉ phải loại bỏ những người có năng lực và kinh nghiệm công tác, mà trong khá nhiều trường hợp, Nhà nước phải xử lý, loại bỏ những người giữ vị trí then chốt từ thấp đến cao trong bộ máy nhà nước. Để có nhân sự bổ sung cho những vị trí công tác này không phải là công việc dễ dàng, lại đòi hỏi nhiều thời gian. Vì vậy, những tác hại về nhân sự mà tham nhũng gây ra dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng khác như mất ổn định tổ chức, hoạt động của tổ chức thiếu hiệu quả, tốn kém thời gian và tiền của, công sức của Nhà nước trong tuyển dụng, bổ trí, đào tạo, sử dụng nhân sự, v.v...

Tác hại nghiêm trọng nhất mà tham nhũng, lãng phí gây ra với Nhà nước là làm suy giảm uy tín của Nhà nước trước nhân dân, tạo ra mâu thuẫn giữa nhân dân với chính quyền. Từ đó, Nhà nước mất dần vai trò thống trị cả về kinh tế và chính trị đối với xã hội. Đây là tiền đề cho mất ổn định chính trị - xã hội, là nguy cơ sụp đổ thể chế. Chức năng quan trọng nhất của Nhà nước là quản lý xã hội, duy trì xã hội trong vòng trật tự, bảo vệ các quyền

và lợi ích hợp pháp của công dân. Nhưng mục tiêu của tham nhũng lại chính là chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, tài sản và các lợi ích hợp pháp khác của công dân. Vậy là khi xuất hiện tham nhũng, không những Nhà nước không hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhân dân mà còn làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Mất tín nhiệm trước nhân dân là điều đáng lo ngại nhất đối với Nhà nước (và tất nhiên là đối với lực lượng chính trị cầm quyền) vì thiệt hại kinh tế tuy lớn nhưng có thể khắc phục bằng nhiều cách, thiệt hại nhân sự cũng như những yếu kém trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có thể thông qua cải cách hành chính mà giải quyết. Nhưng uy tín chính trị không thể dễ dàng lấy lại trong thời gian ngắn, đến giai đoạn bắt đầu xuất hiện các biểu hiện của tình trạng bất ổn chính trị - xã hội, ví dụ như các điểm nóng chính trị - xã hội thì đôi khi một cuộc cải cách lớn nếu không kịp thời và không đúng cách lại khiến cả thể chế chính trị sụp đổ.

Trong kinh tế, lãng phí là nguyên nhân sâu xa và cũng đồng thời là hậu quả của khủng hoảng. Hoạt động sản xuất theo phương thức tư bản tạo ra nhiều hàng hóa, buộc hình thành xã hội tiêu dùng, để đến lượt mình, xã hội tiêu dùng kích thích sản xuất. Nhưng xã hội tiêu dùng có mặt trái là tiêu dùng cả những thứ không có nhiều giá trị sử dụng, gây ra lãng phí của cải vật chất chung của xã hội. Bên cạnh đó, nền sản xuất tư bản chạy theo lợi nhuận, sản xuất không có kế hoạch chung, không có sự điều tiết ở tầm vĩ mô nên thường xuyên gây ra khủng hoảng thừa song hành cùng khủng hoảng thiếu. Đây là thực tế đã được các nhà kinh tế học chỉ ra nhiều thế kỷ qua.

Tham nhũng, lãng phí có tác hại hết sức to lớn với không chỉ

Nhà nước, mà ngay cả mỗi người dân và toàn xã hội. Hiện nay, tình hình tham nhũng, lãng phí ở Việt Nam đang diễn biến hết sức phức tạp, cũng tác động tiêu cực tới nhiều mặt của đời sống xã hội, trên nhiều lĩnh vực gây thất thoát tài sản đất nước, làm cản trở nỗ lực đổi mới, kìm hãm sự phát triển của đất nước. Tác hại to lớn của tham nhũng mà Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ ra chính là tham nhũng gây tổn hại nghiêm trọng đến mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; làm xói mòn niềm tin yêu của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ; làm tổn thương, băng hoại giá trị đạo đức truyền thống, làm méo mó bản sắc văn hóa dân tộc; khoét sâu khoảng cách giàu nghèo, phân cực xã hội; làm giảm uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Tham nhũng, lãng phí thực sự là “quốc nạn”, một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta, kéo lùi sự phát triển và thậm chí làm hủy hoại đất nước.

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã trở thành những nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí sẽ góp phần quan trọng hình thành đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức kỷ cương, liêm chính; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; Nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; giữ vững ổn định chính trị, phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, xã hội; đặc biệt là củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

1.1.4. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam

1.1.4.1. Thực trạng tham nhũng, lãng phí ở nước ta thời gian qua

Với sự quyết tâm, nỗ lực của tổ chức đảng và cả hệ thống

chính trị, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã có những chuyển biến tích cực cả về nhận thức, hành động và đạt được những kết quả bước đầu, nhất là trong phòng ngừa, công khai, minh bạch hóa, cải cách thủ tục hành chính, quản lý tài sản công. Trên một số lĩnh vực, tham nhũng, lãng phí đã từng bước được kiềm chế. Tuy nhiên, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí vẫn chưa đạt yêu cầu và mục tiêu đề ra là ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí. Mức độ tham nhũng ngày càng lớn. Qua kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, xét xử cho thấy các vụ việc tham nhũng có xu hướng tăng cả về quy mô lẫn số lượng tài sản nhà nước bị chiếm đoạt, lãng phí, thất thoát.

Ngoài những lĩnh vực hay xảy ra tham nhũng như xây dựng cơ bản, đất đai, quản lý tài chính, thuế, hải quan, v.v... hiện nay tham nhũng đang lan sang các lĩnh vực từ trước tới nay được coi trọng về đạo lý như giáo dục, y tế, chính sách nhân đạo, v.v... Thậm chí ngay cả các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Tính chất tham nhũng ngày càng phức tạp, nghiêm trọng, thủ đoạn tham nhũng ngày càng tinh vi. Tham nhũng ngày càng có tổ chức được cấu kết chặt chẽ, có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều địa phương, thậm chí xuyên quốc gia.

Sự móc nối giữa các phần tử thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước với những phần tử tội phạm bên ngoài, giữa khu vực công và tư là vấn đề nhức nhối, có xu hướng phát triển nhanh hết sức nguy hiểm. Tình trạng này diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Đó là việc bảo kê, che chắn cho các hành vi vi phạm pháp luật có tổ chức của bọn “xã hội đen” như vụ Khánh Trảng, Phúc Bò, Năm Cam, v.v...

Tham nhũng được tổng kết thường xảy ra ở những lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản.
- Trong lĩnh vực quản lý đất đai.
- Trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và tổ chức tín dụng.
- Trong lĩnh vực tài chính sử dụng ngân sách nhà nước.
- Trong lĩnh vực thực hiện chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.
- Trong quản lý và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.
- Trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo.
- Trong hoạt động tư pháp và hoạt động thanh tra, kiểm tra¹.

Trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chỉ thường xuyên, một số cơ quan, đơn vị, vẫn còn tình trạng chi vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc sử dụng kinh phí sai mục đích; không thực hiện nghiêm túc việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến lãng phí hoặc sử dụng/không hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước được giao làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Từ năm 2006-2010, các đơn vị ngành Tài chính thực hiện 32.933 cuộc thanh tra, kiểm tra, tập trung vào công tác điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và kiến nghị xử lý tài chính 18.473 tỷ đồng, trong đó: thu hồi nộp ngân sách nhà nước 15.037 tỷ đồng; xử phạt hành chính 1.037 tỷ đồng; xử lý tài chính khác 2.398 tỷ đồng. Từ năm 2006 đến tháng

¹ Xem: Bộ Tư pháp: *Đề cương giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi, bổ sung năm 2007*, Nxb. Tư pháp, H.2007.

7-2012, hệ thống Kho bạc Nhà nước đã thực hiện kiểm soát và phát hiện trên 219.000 khoản chi của hơn 96.443 lượt đơn vị chưa chấp hành đúng thủ tục, chế độ quy định, đã yêu cầu các đơn vị bổ sung các thủ tục cần thiết và đã từ chối chưa thanh toán với số tiền khoảng 2.086 tỷ đồng.

Trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước, việc quản lý và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong những năm qua còn nhiều hạn chế, yếu kém, thất thoát, lãng phí xảy ra ở hầu hết các giai đoạn của quá trình đầu tư, dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp. Trong năm 2010, cả nước có 3.386 dự án chậm tiến độ, chiếm 9,78% số dự án thực hiện trong kỳ; số dự án phải điều chỉnh chiếm 15,14% (5.239/34.607); số dự án vi phạm quy định về quản lý đầu tư là 221 dự án, chiếm 0,63% (vi phạm về thủ tục đầu tư 112 dự án, vi phạm về quản lý chất lượng 109 dự án)¹. Kết quả kiểm toán 8 tháng đầu năm 2012 cho thấy hầu hết các dự án đầu tư được kiểm toán đều có sai phạm trong công tác đấu thầu, thẩm định, phê duyệt dự án, nghiệm thu khối lượng, nghiệm thu sai khối lượng, đơn giá, quyết toán thừa cho nhà thầu.

Trong quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tình trạng sử dụng nhà đất không đúng mục đích, bị lấn chiếm hoặc để hoang hóa, khai thác không hết công năng hoặc sai mục đích vẫn còn tồn tại. Một số nơi buông lỏng quản lý dẫn đến tình trạng giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, để lãng phí. Tình trạng giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất sai quy định, không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền dẫn đến khiếu kiện

¹ Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2011.

đồng người vẫn còn xảy ra. Quy hoạch “treo” vẫn còn ở nhiều địa phương gây lãng phí lớn nhưng chậm được khắc phục.

Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước, vẫn còn cơ quan, đơn vị trong bộ máy nhà nước chưa đạt hiệu quả cao trong quản lý nhà nước. Đội ngũ cán bộ công chức có nơi chất lượng chưa cao, hiệu quả quản lý, sử dụng chưa đạt yêu cầu. Vẫn còn không ít cơ quan, tổ chức chưa có quy chế nội bộ về quản lý thời gian lao động, sắp xếp công việc thiếu khoa học, hợp lý dẫn đến hiệu quả sử dụng thời gian lao động thấp.

Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, vẫn còn không ít doanh nghiệp chưa ý thức được việc cần thiết phải áp dụng những biện pháp tiết kiệm để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh nên hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp. Quản lý tài chính tại doanh nghiệp nhà nước vẫn còn sơ hở, sử dụng vốn kém hiệu quả, một số doanh nghiệp thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong khi năng lực quản lý, trình độ quản trị doanh nghiệp và khả năng tài chính có hạn để thua lỗ kéo dài. Trong 6 tháng đầu năm 2012, thực hiện tiết kiệm giảm chi phí được 4.433 tỷ đồng trên tổng số 12.548,7 tỷ đồng đã đăng ký, đạt 35.22% (Báo cáo số 242/BC-CP ngày 21-9-2012 của Chính phủ). Năm 2011, một số doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thua lỗ lớn (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xăng dầu quân đội) hoặc có lãi nhưng hiệu quả chưa cao (Tổng Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí); một số doanh nghiệp sử dụng đất kém hiệu quả (Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn, Tổng Công ty Xăng dầu quân đội, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), v.v... (Báo cáo số 1256/BC-KTNN ngày 5-9-2012).

Trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, trong việc tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng tình trạng lãng phí vẫn còn diễn ra ngày càng lớn¹.

- Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém.

+ Năng lực, sức chiến đấu của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị ngay trong nội tại chưa được phát huy, chưa đủ sức để tự phát hiện tham nhũng, lãng phí.

+ Vai trò tiên phong, gương mẫu của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, người đứng đầu còn yếu; không ít cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện tốt trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Vai trò của nhiều chi bộ, tổ chức cơ sở đảng còn mờ nhạt.

+ Cơ chế, chính sách ở nhiều lĩnh vực thiếu đồng bộ, có nhiều sơ hở chưa được điều chỉnh, khắc phục kịp thời; một số quy định thiếu nhất quán, thiếu chặt chẽ, vẫn còn tình trạng “xin - cho”.

+ Việc điều tra, xử lý một số vụ, việc, ở nhiều thời điểm chưa thực sự đồng bộ, thống nhất và đạt hiệu quả mong muốn.

+ Trong khi đó, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nói chung, của bộ máy nhà nước nói riêng, còn nhiều khuyết điểm, chất lượng và hiệu quả chưa cao.

+ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan, tổ chức chưa được xác định rõ ràng, cụ thể, còn trùng lặp hoặc bị phân tán.

+ Vẫn còn những tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về

¹ Xem: Bộ Tư pháp: *Đề cương giới thiệu Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*, Nxb. Tư pháp, H.2013.

tính nghiêm trọng, sự nguy hại của tệ tham nhũng, lãng phí.

+ Công tác cán bộ nói chung và việc quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức nói riêng còn yếu kém.

+ Tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng chưa đủ mạnh, có mặt chưa hợp lý.

1.1.4.2. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở Việt Nam thời gian qua

Đảng ta đã ban hành nhiều đường lối, chủ trương thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí rất quyết liệt, đặc biệt là trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay". Theo đó, Đảng ta yêu cầu tập trung vào các nhiệm vụ: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Cơ quan kiểm tra của Đảng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng của Nhà nước để kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý kịp thời và công khai kết quả xử lý tổ chức, cán bộ, đảng viên có vi phạm. Kiểm tra, rà soát, đánh giá vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nhà nước ta đã hoàn thành sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai và

pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản, theo hướng tăng cường công khai, minh bạch trong các khâu quy hoạch, thu hồi, bồi thường, giao đất, cho thuê đất, định giá, đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên, khoáng sản, v.v... Quy định rõ ràng, cụ thể hơn quyền hạn, trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý đối với đất đai, tài nguyên. Quyết liệt trong chỉ đạo, quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thu, chi ngân sách; việc chi tiêu công, nhất là mua sắm và đầu tư công; các khoản chi thường xuyên; các định mức, tiêu chuẩn trong sản xuất, tiêu dùng; việc khai thác tài nguyên thiên nhiên; việc chi phí hội nghị, lễ hội, tiếp khách, đi công tác nước ngoài. Tiếp tục gấp rút hoàn thiện thể chế quản lý doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn của Nhà nước. Thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với vốn và tài sản của Nhà nước tại các doanh nghiệp; việc kiểm toán và công khai, minh bạch về tài chính. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường một bước việc kiểm soát hoạt động tín dụng, đầu tư xây dựng, nhất là những hoạt động dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, như cho vay, bảo lãnh, cho thuê tài chính, đầu tư tài chính, ủy thác cho vay, ủy thác đầu tư, đầu tư công, đầu tư bất động sản, v.v... Đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt. Cải cách thủ tục hành chính đã có những kết quả bước đầu, ngày càng đơn giản, công khai, minh bạch hơn trong giao dịch, giao tiếp ở các lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng.

Đang thực hiện ngày càng nhiều việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, khen thưởng,

kỷ luật theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch. Đã sửa đổi Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản liên quan khác để thực hiện việc công khai kết quả kê khai tài sản, thu nhập ở nơi công tác và nơi cư trú, theo yêu cầu của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Từng bước mở rộng diện kê khai và phạm vi công khai kết quả kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Quy định về trách nhiệm giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm, theo yêu cầu của Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Quy định cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức chủ động kiểm tra, xác minh kết quả kê khai tài sản, thu nhập đối với những người thuộc quyền quản lý.

Các bộ, ban, ngành, địa phương đã xây dựng và triển khai thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong việc cưới, việc tang, mừng nhà mới, tổ chức sinh nhật, việc nhận bằng cấp, học hàm, học vị, danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Đã ban hành Luật giám định tư pháp phục vụ kịp thời, có hiệu quả việc xử lý hành vi tham nhũng, lãng phí.

Đã phát hiện và từng bước xử lý nhiều hành vi tham nhũng, lãng phí lớn.

Công tác tuyên truyền, giáo dục và truyền thông được chú trọng, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò và trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Đã đổi mới căn bản và nâng cao năng lực của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo và cơ quan thường trực, tham mưu về công tác phòng, chống tham nhũng. Theo đó, ở Trung ương, đã thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban. Lập lại

Ban Nội chính Trung ương, là cơ quan tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, về chủ trương, chính sách lớn thuộc lĩnh vực nội chính; đồng thời, là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng. Ở địa phương, không tổ chức ban chỉ đạo tỉnh, thành phố về phòng, chống tham nhũng. Tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng và có trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng khi có vụ việc tham nhũng nghiêm trọng xảy ra ở địa phương. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương lập lại ban nội chính tỉnh ủy, thành ủy để tham mưu cho cấp ủy về công tác nội chính và công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

1.2. Quan điểm của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí

1.2.1. Mục tiêu

Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính.

1.2.2. Quan điểm chỉ đạo

Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức hành chính, kinh tế, hình sự.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí phải phục vụ nhiệm vụ

phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, củng cố hệ thống chính trị và khôi đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Vừa tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phòng ngừa là chính. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy dân chủ, thực hành tiết kiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm.

Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài.

1.2.3. Giải pháp chủ yếu

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của Đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng và đảng viên, tăng cường vai trò của chi bộ trong quản lý, giáo dục đảng viên.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác cán bộ phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế, xã hội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Xây dựng các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng.

- Tăng cường giám sát của nhân dân và cơ quan dân cử.

- Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

2. PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, LÃNG PHÍ

2.1. Luật Phòng, chống tham nhũng

Luật Phòng, chống tham nhũng được Quốc hội khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29-11-2005, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-6-2006. Qua 2 lần sửa đổi, bổ sung (2007 và 2012), Luật phòng, chống tham nhũng hiện hành có 8 chương với 100 điều.

- *Chương I: Những quy định chung, gồm 10 điều.*

Nội dung chương này quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; các hành vi tham nhũng; nguyên tắc xử lý tham nhũng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có chức vụ, quyền hạn; quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng; trách nhiệm phối hợp của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án và của cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; trách nhiệm của cơ quan báo chí; các hành vi bị nghiêm cấm.

Ngoài những nội dung quan trọng xác định hành vi tham nhũng, trong chương này có nội dung cần lưu ý về trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người đứng đầu. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm: tổ

chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tiếp nhận, xử lý kịp thời báo cáo, tố giác, tố cáo và thông tin khác về hành vi tham nhũng; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo hành vi tham nhũng; chủ động phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng; kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm: chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện đúng trách nhiệm trong phòng, chống tham nhũng; gương mẫu, liêm khiết; định kỳ kiểm điểm việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình trong việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Người có chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm: thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng quy định của pháp luật; gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; kê khai tài sản theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc kê khai đó.

- *Chương II:* Quy định các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, gồm 6 mục với 57 điều.

Nội dung chương này quy định việc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; quy định các quy tắc ứng

xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; minh bạch tài sản, thu nhập; chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán.

- *Chương III:* Quy định các biện pháp phát hiện tham nhũng, gồm 3 mục với 9 điều.

Nội dung chương này quy định việc phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị; hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát; tố cáo và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng.

- *Chương IV:* Quy định về xử lý hành vi tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gồm 2 mục với 4 điều.

Nội dung chương này quy định xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; xử lý tài sản tham nhũng.

- *Chương V:* Quy định việc tổ chức, trách nhiệm và hoạt động phối hợp của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án và của cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong phòng, chống tham nhũng, gồm 2 mục và 12 điều.

Nội dung chương này quy định việc tổ chức, chỉ đạo, phối hợp và trách nhiệm trong công tác phòng, chống tham nhũng; công tác kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

- *Chương VI:* Quy định vai trò và trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, gồm 4 điều.

Nội dung chương này quy định vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; vai trò và trách nhiệm của báo chí; vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp

hội ngành nghề; trách nhiệm công dân, Ban thanh tra nhân dân.

- *Chương VII:* Quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng, gồm 2 điều. Trong đó, Luật quy định nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế và trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế của Thanh tra Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan.

- *Chương VIII:* Điều khoản thi hành gồm 2 điều.

2.2. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 (có hiệu lực từ ngày 1-7-2014) được bố cục thành 5 chương với 80 điều, cụ thể như sau:

- *Chương I:* Quy định chung, gồm 10 điều.

Nội dung Chương này quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công khai về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí; kiểm tra, thanh tra, kiểm soát chi, kiểm toán nhà nước. Trong đó, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở cần đặc biệt lưu ý một số nội dung về nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; việc công khai; trách nhiệm của người đứng đầu cũng như cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 7 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức gồm:

Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực, trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý; xây dựng các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm về việc ban hành các văn bản cá biệt không phù hợp thực tiễn hoặc trái pháp luật gây lãng phí. Chịu trách nhiệm cá nhân về việc tổ chức thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; định kỳ đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chương trình, kế hoạch và giải trình về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình. Tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức. Bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của công dân, cơ quan, tổ chức. Khi nhận được phản ánh về các hành vi lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chỉ đạo kiểm tra, xem xét để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã phát hiện. Tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra nhân dân; tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; xử lý hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với người trong cơ quan, tổ chức mình có hành vi gây lãng phí; thực hiện công khai việc xử lý hành vi gây lãng phí trong cơ quan, tổ chức.

Đồng thời, Điều 8 của Luật cũng quy định trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao; quản lý, sử dụng vốn nhà nước, tài sản nhà nước được giao đúng mục đích,

định mức, tiêu chuẩn, chế độ; giải trình và chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra lãng phí thuộc phạm vi quản lý, sử dụng; tham gia hoạt động thanh tra nhân dân, tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí theo thẩm quyền.

Điều 9 Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định nguồn thông tin và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí. Theo đó, nguồn thông tin phát hiện lãng phí bao gồm: tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng; phản ánh dưới hình thức khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trách nhiệm tiếp nhận và xử lý thông tin phát hiện lãng phí: người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có phát hiện để xảy ra lãng phí có trách nhiệm kiểm tra, làm rõ thông tin phát hiện lãng phí khi được cung cấp; trường hợp có lãng phí xảy ra phải ngăn chặn, khắc phục kịp thời; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và thông báo công khai kết quả; giải trình trước cơ quan chức năng về việc để xảy ra lãng phí. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp khi nhận được thông tin về lãng phí có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức làm rõ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, ngăn chặn và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, phản ánh hành vi lãng phí.

- *Chương II:* Quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong một số lĩnh vực gồm 8 mục và 56 điều.

Nội dung chương này quy định thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước; trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng; trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước; trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân.

- *Chương III:* Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gồm 12 điều.

Nội dung chương này quy định về trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tài chính, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cơ quan thanh tra; Kiểm toán nhà nước; cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở cần lưu ý Điều 70, 71 và 72 về trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cụ thể là:

Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm ban hành quy định theo thẩm quyền để thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương; quyết định các chủ trương, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với

thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm được giao phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện cụ thể của địa phương; giám sát việc tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương; giám sát việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động theo luật định và kết quả thanh tra, kiểm tra thực hiện quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm và dài hạn, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp, tiêu chí đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm; tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương; tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan tài chính cấp trên kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý hành vi lãng phí ở địa phương; thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh, kịp thời theo đúng thẩm quyền và thực hiện công khai việc xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương; thực hiện công khai đối với các lĩnh vực, hoạt động theo luật định tại địa phương theo đúng thẩm quyền và phân cấp; bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của công dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức của Nhà nước; giám sát việc xử lý hành vi gây lãng phí theo quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất,

kinh doanh và tiêu dùng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức hoạt động giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Ban Chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước tổ chức hoạt động giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hằng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động giám sát và phản biện xã hội trong việc tổ chức hoạt động giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- *Chương IV: Khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm* gồm 3 điều.

- *Chương V: Điều khoản thi hành* gồm 2 điều.

2.3. Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020

Trên cơ sở nhận định tình hình đất nước với những thành tựu đã đạt được sau 20 năm đổi mới, cũng như nhiều nguy cơ phải đối mặt, trong đó có tệ tham nhũng, ngày 21-5-2009, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 21/NQ-CP “Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020”.

Theo đó, Chính phủ khẳng định những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong phòng, chống tham nhũng: chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, nhấn mạnh trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đề cao vai trò của xã hội, các tổ chức đoàn thể và quần